

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIANG THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2021/DS-ST

Ngày: 06-5-2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIANG THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hồng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hoàng Hải

2. Ông Trương Văn Hiếu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Nghi – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giang Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giang Thành tham gia phiên tòa:
Ông Khương Hoài Thương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Giang Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXX-ST, ngày 05 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Châu T H, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp KH, xã TKH, huyện GT, Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm H V, sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp KH, xã TKH, huyện GT, Kiên Giang.

(Văn bản ủy quyền số 09 ngày 29/8/2019).

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1990, Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp NS, xã VĐ, huyện GT, tỉnh Kiên Giang
(ông C, bà L vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 05/9/2019 của nguyên đơn bà Châu T H và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền ông Phạm H V trình bày: Trước đây do chỗ quen biết nên bà H có cho vợ chồng ông Huỳnh Văn C, bà Nguyễn Thị L vay một số tiền, sau đó đến ngày 20/01/2019 hai bên có đổi chiếu nợ thì ông C, bà L thừa nhận còn nợ 29.200.000 đồng và có viết giấy nhận nợ cam kết trong thời gian 02 tháng từ ngày 20/01/2019 đến ngày 20/3/2019 sẽ trả hết số nợ còn thiếu nên bà H yêu cầu vợ chồng ông C, bà L trả số tiền vay gốc là 29.200.000 đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 20/3/2019 đến khi xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa bà H thông qua người đại diện là ông Phạm H V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Huỳnh Văn C, bà Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong biên bản lấy lời khai ngày 14/10/2019 và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 14/10/2019 bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà L thừa nhận vào ngày 20/01/2019 DL có ký nhận nợ tiền của bà Châu Thu H số tiền vay là 29.200.000 đồng gốc, bà L xin trả dần làm 02 lần, lần 01 15.000.000 đồng, lần còn lại là 14.200.000 đồng.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giang Thành ông Khương Hoài Thương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự thủ tục giải quyết vụ án. Tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật về hợp đồng vay tài sản để làm cơ sở giải quyết vụ án và buộc ông C, bà L có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo quy định pháp luật cho nguyên đơn bà Châu T H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn bà Châu T H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Văn C, bà Nguyễn Thị L thanh toán số tiền nợ vay 29.200.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Bị đơn ông Huỳnh Văn C, bà Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và Tòa án đã hoãn phiên tòa một lần do bị đơn vắng mặt không lý do nên theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử khi đương sự vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Châu T H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Văn C, bà Nguyễn Thị L thanh toán số tiền nợ vay gốc 29.200.000 đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 20/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ theo chứng cứ nguyên đơn bà H cung cấp là 01 biên nhận nhận tiền ngày 20/01/2019 số tiền 29.200.000 đồng có chữ ký, ghi họ tên của ông Huỳnh Văn C, bà Nguyễn Thị L (BL 06), đồng thời tại biên bản lấy lời khai ngày 14/10/2019 (BL 26, 27) và biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 14/10/2019 (BL 28, 29, 30, 31) thì bị đơn bà Nguyễn Thị L thừa nhận chứng cứ mà nguyên đơn bà H cung cấp là đúng và thực tế bà có vay và còn nợ bà H số tiền là 29.200.000 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

“2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Do ông C, bà L có vay của bà H số tiền 29.200.000 đồng gốc nhưng đến hạn chưa thanh toán nên theo quy định tại Điều 357, Điều 466, Điều 468 thì ông bà phải trả đủ số nợ gốc, chịu lãi chậm trả và lãi quá hạn theo quy định pháp luật từ ngày 20/3/2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 25 tháng 17 ngày. Do các bên không thỏa thuận mức lãi suất nên lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 là 10%/năm (0,83%/tháng; 0.028%/ngày); lãi suất quá hạn là (0.83%/tháng x 150%; 0.028%/ngày x 150%) cụ thể như sau:

Lãi quá hạn từ ngày 21/3/2019 đến ngày 06/5/2021: $29.200.000đ \times 25 \text{ tháng} (0.83\%/tháng \times 150\%) + 17 \text{ ngày} (0.028\%/tháng \times 150\%) = 9.296.988 \text{ đồng}$.

Theo Bộ luật dân sự năm 2015 tại Điều 466 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; ...”

.....

Tại Điều 468 về Lãi suất quy định:

“2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

Từ các cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông Huỳnh Văn C, bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn bà Châu T H số tiền 38.496.988 đồng (trong đó 29.200.000 đồng là nợ gốc, 9.296.988 đồng là nợ lãi).

Về án phí sơ thẩm:

Do bị đơn ông C, bà L bị buộc phải liên đới thanh toán cho nguyên đơn bà H số tiền 38.496.988 đồng, căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì ông C, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 1.924.849 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu T H;

Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn C, bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn bà Châu T H số tiền nợ vay là 38.496.988đ (Ba mươi tám triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi tám đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Châu T H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 730.000đ theo biên lai thu tiền số 0009978 ngày 10/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giang Thành;

Bị đơn ông Huỳnh Văn C, bà Nguyễn Thị L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 1.924.849 đồng.

3. Về quyền kháng cáo

Nguyên đơn thông qua người đại diện có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giang Thành;
- CC THA DS huyện Giang Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hồng Phong

